

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-ST

Ngày: 05 – 7 – 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thanh Nhanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Lâm**.

2. Ông **Lý Thanh Chiều**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2017/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị A**.

Địa chỉ: Nhà số x, ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (Có mặt).

2. *Bị đơn:*

- Bà **Trần Thị B**, (Vắng mặt);

- Ông **Nguyễn Văn S**, (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Nhà số y, ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà A trình bày:*

Vào ngày 11/4/2013 âm lịch, vợ chồng bà B và ông S có vay của bà A 8.500.000 đồng để mua máy xới đất, lãi suất 10%/tháng, thời gian trả lãi và vốn là 03 tháng.

Vào ngày 24/4/2013 âm lịch, vợ chồng bà B và ông S vay của bà A 3.500.000 đồng để tiêu xài trong gia đình, lãi suất 10%/tháng, thời gian trả lãi và vốn là 03 tháng.

Hai lần vay đều không làm biên nhận, không người làm chứng.

Bà A không nhớ vào thời gian nào, thì bà B gửi trả cho bà A được 2.000.000 đồng tiền lãi, nên còn nợ lại tiền vốn là 12.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng. Bà B, ông S xin giảm bớt 6.000.000 đồng tiền lãi và yêu cầu không tính thêm lãi nữa, bà A cũng đồng ý. Bà A nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông S, bà B trả nợ cho bà, nhưng ông S và bà B không trả, nên phát sinh tranh chấp vào cuối năm 2016, vụ việc đã được Tổ hòa giải ấp G, xã H, huyện T hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà B và ông S phải trả lại cho bà A số tiền vốn vay còn nợ là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông S trình bày:*

Trước năm 2009, ông S cùng vợ là bà B vay của bà A 8.500.000 đồng, lãi suất 85.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời gian trả. Năm 2009 bà A tính lãi suất 2.500.000 đồng/3 tháng, vợ chồng ông đóng lãi đầy đủ, đến năm 2014 thì còn nợ tiền lãi 3.500.000 đồng. Đầu năm 2015, vợ chồng ông xin bà A không đóng lãi nữa, bà A đồng ý và tính sổ lại thì vợ chồng ông nợ bà A vốn và lãi là 12.000.000 đồng. Cuối năm 2016, đã trả 2.000.000 đồng, nên còn nợ 10.000.000 đồng. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn, nên ông S hứa sẽ trả cho bà A 5.000.000 đồng trong vòng nửa năm, còn lại 5.000.000 sẽ trả trong một năm sau. Đối với tiền lãi 4.000.000 đồng, do ban đầu bà A thống nhất với vợ chồng ông không tính nữa, nên ông không đồng ý trả số tiền này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà B và trong biên bản lấy lời khai của ông S ngày 31/5/2017, ông S cho rằng bà B đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số: 37/TB-TLVA ngày 13/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú. Tuy nhiên, bà B không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông S và bà B đều vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử và ông S đã có lời khai rõ ràng, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

2. *Về nội dung vụ án:*

Nguyên đơn bà A và bị đơn ông S đều thống nhất là vợ chồng ông S và bà B còn nợ tiền vay của bà A là 12.000.000 đồng. Theo bà A thì số tiền này là tiền vốn vay, cụ thể là vào ngày 11/4/2013 âm lịch ông S, bà B vay 8.500.000 đồng và ngày 24/4/2013

âm lịch vay 3.500.000 đồng. Còn ông S trình bày đây là tiền vốn 8.500.000 đồng và lãi là 3.500.000 đồng, nhưng ông S không có chứng cứ chứng minh 3.500.000 đồng trong tổng số tiền 12.000.000 đồng này là tiền lãi; Theo đơn thưa ngày 13/12/2016 của bà A gửi Tổ hòa giải ấp G, bà A trình bày là bà B và ông S hai lần hỏi bà với tổng số tiền vốn là 12.000.000 đồng, hơn một năm thì số tiền lãi là 12.000.000 đồng, bà A bớt 6.000.000 đồng, bà B trả được 2.000.000 đồng nên tiền lãi còn nợ lại là 4.000.000 đồng. Trong biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 25/12/2016 của Tổ hòa giải ấp G, bà B thừa nhận thiếu vốn, lãi là 16.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A đã phù hợp với lời thừa nhận của ông S, bà B. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, bà B trả lại số tiền vốn vay 12.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Bà A cho rằng thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay, nhưng bà A không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà là có cơ sở, với thời hạn này thì tháng 7/2013 âm lịch đã hết, nhưng đến cuối năm 2016 mới phát sinh tranh chấp, nên lời trình bày của ông S khẳng định việc vay tiền này không có thời hạn là phù hợp với thực tế. Do đó, hợp đồng vay tiền giữa bà A với ông S, bà B là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà A đã báo cho ông S, bà B trả tiền và phát sinh tranh chấp từ cuối năm 2016, nhưng đến nay các bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông S cho rằng do vợ chồng ông không có khả năng trả nợ, nên xin trả làm 02 đợt, tuy nhiên yêu cầu này của ông S không được bà A đồng ý và không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền vốn vay 12.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông S, bà B có trách nhiệm trả tiền cho bà A, nên ông S và bà B phải chịu án phí dân sự, cụ thể: 12.000.000 đồng x 5% = 600.000 đồng.

- Bà A không phải chịu án phí, nên trả lại cho bà tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

Buộc bị đơn ông S và bà B phải trả cho nguyên đơn bà A số tiền vốn vay là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông S và bà B còn phải trả lãi cho bà A theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông S và bà B phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004239 ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Nhanh